

Để chứng hôn thành sự, Linh mục hay Phó tế chứng hôn phải có năng quyền. Năng quyền chứng hôn có được là do luật ban hay do sự ủy quyền.

I. NĂNG QUYỀN CHỨNG HÔN DO LUẬT

1- Năng quyền thông thường do luật ban kèm với chức vụ

Những vị sau đây có năng quyền loại này:

a- Bản quyền địa phương (Gl. 134 §2) gồm:

- Giám mục Giáo phận;
- Người lãnh đạo Giáo phận tạm thời;¹
- Các vị tương đương với Giám mục Giáo phận theo Giáo luật;²
- Tổng Đại diện và các Đại diện Giám mục. Về năng quyền chứng hôn, các Đại diện Giám mục cũng có năng quyền trên toàn Giáo phận như Giám mục Giáo phận và Tổng Đại diện.

b- Cha xứ: Năng quyền chứng hôn thông thường được ban cho các Cha xứ (Gl. 530, 4⁰). Năng quyền thông thường cũng ban cho Giám quản Giáo xứ (Gl. 539; 540 §1) hay cho Cha phó khi Cha xứ vắng mặt hay bị ngăn trở hợp pháp mà luật Giáo phận hay Giám mục Giáo phận không chỉ định ai khác (Gl. 533 §3; 541 §1; 549). Khi một đội Cha xứ (*in solidum*) coi sóc một hay nhiều Giáo xứ, mỗi vị đều có năng quyền chứng hôn như các Cha xứ (Gl. 517 §1; 543).

Năng quyền chứng hôn thuộc luật tông thỏ, nên những vị có năng quyền do luật ban kèm chức vụ chỉ chứng hôn hữu hiệu trong phạm vi lãnh thổ của các ngài. ‘Trong phạm vi lãnh thổ’ là trong toàn lãnh thổ thuộc quyền, chứ không chỉ tại các cơ sở tôn giáo hay Nhà thờ Giáo xứ.

Đối với các Giáo phận hay các Giáo xứ tông nhân, Bản quyền của Giáo phận tông nhân và Cha xứ của Giáo xứ tông nhân chỉ chứng hôn hữu hiệu khi có ít là một trong hai người phối ngẫu thuộc quyền coi sóc của các ngài (Gl. 1110). Nếu một trong hai người phối ngẫu thuộc về một Giáo xứ tông thỏ, Cha xứ của Giáo xứ tông thỏ có ưu thế hơn Cha xứ Giáo xứ tông nhân trong việc chứng hôn, do tông thỏ thì ổn định hơn tông nhân. Nhưng việc này có thể thương lượng được, vì không tổn hại gì.

2. Năng quyền bổ khuyết³ do Giáo Hội cấp (*Ecclesia supplet*):

Giáo luật điều 144 quy định:

§1 Khi có lầm lẫn chung hoặc về sự kiện hoặc về luật, cũng như khi có hồ nghi tích cực và cái nhiên về luật hoặc về sự kiện, thì Giáo Hội bổ khuyết quyền hành pháp lãnh đạo ở cả tòa trong lẫn tòa ngoài.

§2 Quy tắc này cũng áp dụng cho những năng quyền được nói ở những điều 882, 883, 966 và 1111 §1.

Điều 1111 §1 là về năng quyền chứng hôn. Các yếu tố phải có như nói ở §1 là:

¹ Chẳng hạn khi Giáo phận trống tòa, người lãnh đạo Giáo phận tạm thời là (1) Giám mục Phụ tá, nhưng nếu không có Giám mục Phụ tá sẽ là Ban Tư vấn; thời gian này kéo dài tối đa tám ngày (Gl. 419; 421; 426); và (2) Giám quản Giáo phận (do Ban Tư vấn bầu) hay Giám quản Tông tòa (một Giám mục hay một Linh mục do Tòa Thánh đặt); thời gian này kéo dài đến hết trống tòa (Gl. 427; 430).

² Tức các vị coi sóc Hạt Giám chức tông thỏ, Đan viện tông thỏ, Hạt Đại diện Tông tòa, Hạt Phủ doãn Tông tòa và Hạt Giám quản Tông tòa được thiết lập vững bền (Gl. 368, 381 §2).

³ Năng quyền chứng hôn bổ khuyết là một ngoại lệ (Gl. 1108 §1). Không thể cố ý dùng năng quyền này cách tiên thiên. Năng quyền này không hiện diện trong trường hợp thừa tác viên thiếu hiểu biết hay không bận tâm để biết rõ mình có năng quyền chứng hôn hay không. Hơn nữa, chỉ được bổ khuyết năng quyền này để đạt một thiện ích chung hay để tránh một điều xấu cho cộng đoàn, chứ không nhằm lợi ích riêng tư.

- sự lầm lẫn chung hoặc về sự hoặc về luật; hay
- sự hồ nghi tích cực và cái nhiên hoặc về luật hoặc về sự.

II. NĂNG QUYỀN THỪA ỦY:

1. Những người ủy quyền và được ủy quyền

- a- Những người có năng quyền chứng hôn thông thường, trong phạm vi địa hạt của mình, có thể ủy quyền năng quyền ấy cách hợp pháp và hữu hiệu, tổng quát hay từng lần (Gl. 1111).
- b- Những vị sau đây chỉ có năng quyền chứng hôn do được ủy quyền:
 - Các Cha phó;
 - Các Linh mục khác và các Thầy Phó tế;
 - Giáo dân.⁴

2. Việc ủy quyền cần phải hữu hiệu và hợp pháp

Để việc ủy quyền hữu hiệu và hợp pháp, cần xác định đó là *ủy quyền tổng quát* hay *ủy quyền từng lần* và *cách thức ủy quyền* có đúng theo quy định Giáo luật hay không.

a- Để hữu hiệu

a1) Ủy quyền tổng quát

- Người ủy quyền phải có năng quyền thông thường và người được ủy quyền chỉ chứng hôn hữu hiệu trong địa hạt của người ủy quyền. Như vậy, việc ủy quyền tổng quát chỉ dành cho Bản quyền địa phương và Cha xứ (Gl.1111 §1).

- Để việc ủy quyền hữu hiệu, buộc phải (Gl. 1111 §2):

- + **minh nhiên và nhất định ủy quyền cho ai;**
- + **bằng Văn bản.**

Khi người ủy quyền chỉ nói chung chung, không xác định người được ủy quyền là ai (ví dụ chỉ gọi điện thoại cho Cha Bề trên nhà dòng để xin một Linh mục bất kỳ), hay không có Văn bản trao tay, sự ủy quyền tổng quát là vô hiệu. Cố tình làm như thế sẽ khiến người được ủy quyền không nhận được năng quyền nào và Hôn nhân sẽ vô hiệu, vì thiếu thể thức Giáo luật (Gl. 1108 §1).

Nhưng nếu lâu nay một Cha phó đã được ủy quyền tổng quát mà không có Văn thư Ủy quyền, ngài vẫn đã chứng hôn hữu hiệu, nếu có lầm lẫn rằng ủy quyền kiểu đó cũng hữu hiệu. Đây là lúc mà năng quyền bổ khuyết (Gl. 144) có giá trị, để cứu các Hôn phối ấy khỏi vô hiệu. Tuy nhiên, quy định Giáo luật về sự hữu hiệu của việc ủy quyền chứng hôn phải được nhất mực tôn trọng, một khi đã rõ.

Phải hiểu là một Cha xứ đã ủy quyền tổng quát cho Cha phó của ngài khi ngài chia phiên cho Cha phó dâng lễ những ngày nhất định trong tuần, mà cứ đến phiên là có thể Cha phó phải chứng hôn nếu có lễ cưới, trong khi ngài lại không nói gì đến việc ủy quyền; trong trường hợp này, Cha phó cần lĩnh ý Cha xứ để xin ngài Văn thư Ủy quyền. Nhưng nếu ngài chỉ nêu ra một số đôi Hôn phối và bảo Cha phó chứng hôn, thì đó lại là ủy quyền từng lần và không cần Văn bản.

- Khi đã được ủy quyền tổng quát, có thể ủy quyền từng lần cho người khác.

a2) Ủy quyền từng lần

- Trong phạm vi địa hạt của mình, người có năng quyền chứng hôn thông thường hay năng quyền thừa ủy tổng quát, có thể ủy quyền từng lần cho người khác.

⁴ Việc ủy quyền cho Giáo dân chỉ dành cho Giám mục Giáo phận hay các vị tương đương theo luật (Gl. 381 §2), chứ không cho Người lãnh đạo Giáo phận tạm thời, cho các Bản quyền địa phương khác hay Cha xứ, và phải hội đủ những yêu cầu nói ở Giáo luật điều 1112 §1.

- Để việc ủy quyền từng lần hữu hiệu, buộc phải (Gl. 1111 §2):

+ **chỉ ra người được ủy quyền là ai;**

+ **xác định Hôn phối là của đôi nào.**

Ủy quyền từng lần có thể minh nhiên, tức nói ra; cũng có thể mặc nhiên, tức bằng một cử chỉ nhằm đến việc ủy quyền, như dẫn đôi bạn ra giới thiệu hay cho biết giờ lễ... Không buộc có Văn bản.

Dù vậy, ủy quyền chứng hôn không phải là việc có thể phỏng chừng hay đoán mò. Ví dụ Cha xứ biết có Linh mục nào đó đến chứng hôn cho một đôi Hôn phối trong Giáo xứ của ngài mà ngài chưa ủy quyền, thì dù ngài thinh lặng vì sợ mất hòa khí, vị Linh mục kia vẫn sẽ chứng hôn vô hiệu. Vị ấy không thể đồng hóa sự im lặng với việc ủy quyền. Cũng không thể ủy quyền qua trung gian, như khi chỉ có người nhà lên xin Cha xứ, còn Cha xứ lại không biết Linh mục muốn chứng hôn là ai và cũng không được cho cơ hội để gặp hay nói chuyện với vị ấy.

a3) Chuyển ủy: tức người được ủy quyền từng lần lại đi ủy quyền cho người khác.

- Nếu chỉ được ủy quyền từng lần, thì không thể chuyển ủy, trừ khi vị chủ ủy minh nhiên ban phép (Gl. 137 §§1 và 3). Không một quyền chuyển ủy nào lại được chuyển ủy lần nữa, trừ khi người chủ ủy minh nhiên ban phép (Gl. 137 §4).⁵

- Chuyển ủy cũng hữu hiệu khi được làm theo cách của ủy quyền từng lần.

b- Để hợp pháp

Người được ủy quyền chứng hôn chỉ chứng hôn hợp pháp khi đã chắc chắn theo lương tâm, trách nhiệm và sự hiểu biết (xác tín luân lý) về tình trạng thông dong theo luật của các người sắp kết hôn. Cũng cần lĩnh ý và xin phép Cha xứ, nếu họ chứng hôn do sự ủy quyền tổng quát.

- Khi có trở ngại đe dọa tính hợp pháp của Hôn nhân như nói ở Giáo luật điều 1071 §1,⁶ Cha xứ phải đích thân xin phép Đấng Bản quyền, dù đó là một Hôn phối ngài đã ủy quyền chứng hôn.

- Hơn nữa, trách nhiệm điều tra Hôn phối thuộc về Cha xứ của bên mà Hôn phối sẽ được cử hành, dù ngài tự mình xúc tiến hay ủy quyền hợp pháp cho ai khác làm việc đó (Gl. 1069-1070). Kết quả điều tra phải được thông báo bằng văn bản cho ngài sớm hết sức có thể để ngài ấn ký. Việc được ủy quyền chứng hôn không bao hàm trách nhiệm điều tra Hôn phối, dù được ủy quyền tổng quát.

- Vì Cha xứ có quyền giữ hết mọi Hôn nhân cho mình, ngay cả sau khi ngài đã ủy quyền tổng quát cho ai khác (Gl. 530, 4⁰), người được ủy quyền tổng quát phải hỏi ý Cha xứ để xin phép ngài khi chứng hôn cho một đôi Hôn phối mà mình không biết rõ ngài có giữ để chứng hôn hay không.

⁵ Ví dụ, Cha phó hay Thầy Phó tế giúp xứ, nếu được Cha xứ ủy quyền tổng quát bằng văn bản, có thể ủy quyền chứng hôn riêng biệt (từng lần) cho một Linh mục hay Thầy Phó tế bạn, để người này chứng hôn cho một Hôn phối nào đó mà lẽ ra mình sẽ chứng hôn; tuy nhiên, nếu chỉ được ủy quyền từng lần, ngài không thể ủy quyền, trừ khi Cha xứ minh nhiên ban phép. Không có phép minh thị cho trước của Cha xứ, Cha/Thầy Phó tế bạn sẽ chứng hôn vô hiệu.

⁶ §1 Trừ trường hợp cần thiết, nếu không có phép của Đấng Bản Quyền địa phương, không ai được chứng hôn cho:

1⁰ Hôn nhân của những người không có cư sở;

2⁰ Hôn nhân nào không thể được công nhận hay không thể được cử hành chiếu theo quy tắc của luật dân sự;

3⁰ Hôn nhân của người mắc những nghĩa vụ tự nhiên phát sinh do cuộc phối hợp trước, đối với bên kia hoặc đối với con cái;

4⁰ Hôn nhân của người đã hiển nhiên chối bỏ đức tin Công giáo;

5⁰ Hôn nhân của người còn bị mắc vạ;

6⁰ Hôn nhân của người vị thành niên, khi cha mẹ không hay biết hoặc đã phản đối cách hợp lý;

7⁰ Hôn nhân cử hành qua người đại diện, được nói đến ở điều 1015.

§2 Đấng Bản Quyền địa phương không được ban phép chứng hôn cho người đã hiển nhiên chối bỏ đức tin Công giáo, trừ khi đã giữ những quy tắc được nói đến ở điều 1125, với những thích nghi cần thiết.

Sự ủy quyền bất hợp pháp khiến cho việc chứng hôn bất hợp pháp, nhưng không ảnh hưởng đến tính thành sự của việc ủy quyền và của chính Hôn nhân.

III. VÀI ĐIỂM MỞ RỘNG LIÊN QUAN:

1. Thời hạn của năng quyền

a- Năng quyền chứng hôn thông thường hữu hiệu ngay khi tựu chức, khi được bổ nhiệm hay khi được bầu cử hợp pháp và đã tuyên xưng đức tin.

- Có quyền ngay khi tựu chức gồm Giám mục Giáo phận (Gl. 382 §1), các vị tương đương (theo Gl. 381 §2) và Cha xứ (Gl. 527 §1);

- Giám quản Giáo phận có năng quyền ngay sau khi chấp nhận kết quả bầu cử và tuyên xưng đức tin trước mặt Ban Tư vấn (Gl. 427 §2; 833, 4⁰);

- Giám quản Tông tòa tạm thời có năng quyền ngay khi được bổ nhiệm;

- Tổng Đại diện và các Đại diện Giám mục có năng quyền sau khi được bổ nhiệm và đã tuyên xưng đức tin để tựu chức (Gl. 833, 5⁰).

Năng quyền thông thường **chấm dứt** đồng thời với sự chấm dứt của chức vụ (Gl. 143 §1; 184; 481 §1). Năng quyền của Tổng Đại diện hay Đại diện Giám mục **bị treo** nếu Giám mục Giáo phận bị huyền chức (Gl. 481 §2) và **mất** nếu Giáo phận trống tòa (Gl. 417) hay Giám mục Giáo phận được chuyển (Gl. 418 §2, 1⁰), trừ khi các ngài có chức Giám mục (Gl. 409 §2; 419; 481 §2). Trước khi đi nhận Giáo phận mới, vị Giám mục **không mất** năng quyền trong Giáo phận ngài vừa làm Giám mục Chính tòa, vì luật cho ngài quyền và bổn phận của một Giám quản Giáo phận (Gl. 418 §2, 1⁰).

b- Năng quyền chứng hôn do ủy quyền có hiệu lực ngay khi được ủy quyền thành sự. Năng quyền chứng hôn do ủy quyền tổng quát **không chấm dứt** vì người ủy quyền mất chức vụ, nhưng vì các lý do liệt ra ở Giáo luật điều 142 §1 và điều 184 §1, liên quan đến chức vụ của người được ủy quyền.

Ví dụ: Cha phó được Cha xứ ủy quyền tổng quát sẽ không mất năng quyền vì Cha xứ mệnh một hay được chuyển, trừ khi Cha xứ đã kèm một điều khoản nói rõ trong trường hợp nào nó sẽ mất; Cha phó không phải xin Cha xứ mới ủy quyền lại và năng quyền của ngài vẫn là năng quyền tổng quát. Nhưng ngài sẽ mất năng quyền ấy ngay khi được chuyển đến làm Cha phó ở một Giáo xứ khác. Hơn nữa, Cha xứ mới hoàn toàn có quyền thu hồi năng quyền ấy và ủy quyền lại hay không theo ý mình (Gl. 142 §1; 548 §§1-2).

2. Phân biệt giữa cho phép và ủy quyền

a- Khi một đôi Hôn phối muốn dâng lễ cưới tại một Giáo xứ thứ ba (không phải của bên nam hay bên nữ), Cha xứ của bên nam hoặc của bên nữ, sau khi đã kết thúc điều tra, có thể cho phép đôi hôn phối làm như thế (Gl. 1115). Ngài chỉ cần cho phép đôi bạn và cho phép Cha xứ nơi cử hành, chứ không cần ủy quyền chứng hôn, vì vị này luôn chứng hôn thành sự và hợp pháp trong Giáo xứ của ngài, cho mọi Hôn phối của con chiên ngài hay của người ngoài, miễn là ngài không bị vạ tuyệt thông, cấm chế hay huyền chức và một trong hai người phối ngẫu thuộc lễ điển La-tinh (Gl. 1109). Tuy nhiên, sau khi chứng hôn, Cha xứ nơi Hôn phối được cử hành phải gửi Chứng thư Hôn phối cho các Cha xứ nơi hai người phối ngẫu đã được rửa tội và cho các Cha xứ liên hệ của đôi tân hôn, nếu nơi rửa tội và nơi họ đang sống là những nơi khác nhau (Gl. 535 §§1-2; 1122 §2).

b- Nếu đôi Hôn phối xin cho một Linh mục thân quen khác chứng hôn cho mình, thì vị ấy, để chứng hôn hợp pháp, phải được Cha xứ riêng của đôi bạn -tức người đã điều tra- **cho phép** và để chứng hôn thành sự, phải được Cha xứ nơi Hôn nhân được cử hành **ủy quyền**. Nhưng nếu đó cũng là nơi vị ấy đang phục vụ và đã được Cha xứ ở đó ủy quyền tổng quát rồi thì chỉ cần phép của Cha xứ riêng. Tuy nhiên, việc gửi Chứng thư Hôn phối vẫn là trách nhiệm của Cha xứ nơi cử hành (Gl. 1122 §2).

Trong bối cảnh di dân năng động nhưng cũng có phần bất nháo như ngày nay, vì lý do mục vụ và xuất phát từ đức ái mục tử, các Cha xứ luôn rộng lòng ban phép, khi đôi bạn muốn dâng lễ cưới tại một Nhà thờ thứ ba, nếu tiện lợi và bớt tốn kém cho họ. Điều này cũng là quyền chính đáng của họ. Tuy nhiên, đôi bạn không nên lạm dụng, vì có thể gây xáo trộn. Cần không nên làm thế nếu nó không mang lại lợi ích thực sự, theo suy xét của bản thân với sự tham khảo ý kiến của các Cha xứ liên hệ.

Tóm lại:

- Phải có năng quyền chứng hôn mới có thể chứng hôn thành sự;
- Năng quyền chứng hôn có được hoặc do luật ban hay do sự ủy quyền;
- Người ủy quyền và người được ủy quyền phải lưu ý đến tính thành sự và hợp pháp của việc ủy quyền. Ủy quyền tổng quát luôn phải có văn bản mới thành sự.
- Việc được ủy quyền chứng hôn không bao hàm trách nhiệm điều tra hôn phối; tuy nhiên trước khi chứng hôn, người chứng hôn luôn phải chắc chắn rằng Hôn phối trước mắt không vướng điều gì gây bất thành hay bất hợp pháp.

Lm. GB. Nguyễn Hồng Uy

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo luật 1983.
2. Beal, John P. et al. (eds.). New Commentary on the Code of Canon Law. Pauline Press, New York 2000.
3. McAreavey, John. The Canon Law of Marriage and the Family. Four Courts Press, Dublin 1999.
4. Ladislav Örsy. Marriage in Canon Law: Texts and Comments – Reflections and Questions. Dominican Publications, Dublin 1988.
5. Huels, John M. The Pastoral Companion: A Canon Law Handbook for Catholic Ministry. Franciscan Press, Chicago 1999.
6. Marzoa A. et al. (eds.). Exegetical Commentary on the Code of Canon Law, Vol. III/2. Wilson & Lafleur Press, Montreal 2004.